

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Tên chất hoặc tên sản phẩm	
Số CAS: Methanol #67-56-1 Số UN: 1230 Số đăng ký EC: chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: METHANOL	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: METHANOL	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU 08.62779771 - 0909427252
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Chưa có thông tin	
- Mục đích sử dụng: Dung môi công nghiệp (dùng cho ngành sơn, gỗ, keo ...)	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1	Methanol	CH ₄ O	75%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm Flammable Liquid 3 (nhóm 3)

2. Cảnh báo nguy hiểm :

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Khi tiếp xúc trực tiếp với mắt sẽ có triệu chứng mắt đỏ, sưng, tiếp xúc lượng lớn có thể gây tổn thương nặng cho mắt, dẫn đến mù mắt
- Đường thở: Khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất và hít thở một lượng lớn có thể có các triệu chứng sau về đường hô hấp: thở gấp, buồn nôn, nhức đầu
- Đường da: khi tiếp xúc với số lượng nhiều hoặc tiếp xúc thường xuyên với hóa chất có thể có các triệu chứng sau về da: Da khô, nứt nẻ, đỏ ửng
- Đường tiêu hóa: Khi nuốt phải hóa chất, sẽ có những triệu chứng như thở gấp chóng mặt nhức đầu, trướng bụng

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt ngay bằng nước sạch, với lượng nước nhiều và liên tục trong vòng 15 phút, chớp mắt liên tục trong khi rửa với nước.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): rửa ngay vùng da bị tổn thương với nước sạch và xà phòng, cởi bỏ ngay quần áo đã bị dính hóa chất
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): di chuyển ngay ra nơi có không khí trong lành, đến ngay trung tâm y tế gần nhất
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): uống ngay 2 ly nước lớn, thọc tay vào cổ họng hoặc các biện pháp khác để có thể nôn ra, đến ngay trung tâm y tế gần nhất
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có)

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- 1. Xếp loại về tính cháy** : dễ cháy nếu có tác động từ bên ngoài
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** khí, khói
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** : tia lửa, ma sát
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**
Hóa chất foam, khô – carbon dioxide, xịt nước
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**
Quần áo bảo hộ chống cháy, mặt nạ chống cháy, thùng chứa nước lạnh
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có) : cẩn thận khi dùng nước, lượng nước lớn có thể khiến đám cháy chất lỏng lan ra.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** lau sạch
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:** tránh để tiếp xúc với tia lửa, lau sạch bằng vải mềm hoặc có thể dùng cát để ngăn chặn chất lỏng lan rộng

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** lưu ý đến việc vận chuyển hóa chất, phải đóng gói cẩn thận và không được sử dụng các dụng cụ dễ gây ma sát và tia lửa điện
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** : Chứa hóa chất trong các thùng kín, tránh những nơi có nhiệt độ cao, chứa tại nơi khô ráo, có nhiệt độ thấp và hệ thống thông khí tốt.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** : đảm bảo hệ thống thông gió tốt, nhân viên tiếp xúc trực tiếp phải được trang bị quần áo bảo hộ đúng tiêu chuẩn
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ
 - Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ
 - Bảo vệ tay: đeo găng tay
 - Bảo vệ chân: đeo ủng
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố;**
- 4. Các biện pháp vệ sinh:** tắm, khử độc

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi (°C): 64.6
Màu sắc: trong, không màu	Điểm nóng chảy (°C): 0
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point): 16-19
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:1.11	Nhiệt độ tự cháy (°C): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:1.11	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 36.5% v/v
Độ hòa tan trong nước : 100% at 20°C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 6.0% v/v
Độ PH: chưa có thông tin	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m³): 0.87	Các tính chất khác nếu có

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định : ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường

2. Khả năng phản ứng:

- Các phản ứng nguy hiểm :cháy, nổ

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1		mg/m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
	Oral	5,628		
	Inhalation	64,000		
	Skin	15,800		Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người : chưa có thông tin

2. Các ảnh hưởng độc khác : chưa có thông tin

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
	Da (thỏ)		20mg/24giờ
	Mắt (thỏ)		100mg/24giờ
	Mắt (người)		5ppm

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: giờ 96, trên 1000 ppm
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

1. Thông tin quy định tiêu hủy: sử dụng cát, bơm
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN	1230	Methanol	PG 2	163kgs/Phuy hoặc bằng tàu	Methanol	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	TSCA					

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : RQ 5000#

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu : 01 tháng 01 năm 2011

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất :

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo :

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.